BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2015/TB-LPQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2015

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Hồi giáo Iran về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, ký tại Tê-hê-ran ngày 14 tháng 10 năm 2014, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2015.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lê Đức Hạnh

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA HỒI GIÁO IRAN

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

VÀ

NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

ĐỐI VỚI

CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA HỒI GIÁO IRAN

sau đây gọi là các Nước ký kết;

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

ĐÃ THOẢ THUẬN DƯỚI ĐÂY:

Điều 1
ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Hiệp định này áp dụng đối với các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

Điều 2
CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các khoản thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do doanh nghiệp chi trả, cũng như các loại thuế đánh vào giá trị tài sản tăng thêm sẽ được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3. Các loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

   a) trong trường hợp của nước Cộng hòa hồi giáo Iran:

      (i) thuế thu nhập đối với bất động sản;

      (ii) thuế thu nhập đối với nông nghiệp;

      (iii) thuế thu nhập đối với tiền công;

      (iv) thuế thu nhập đối với nghành nghề (kinh doanh); và

      (v) thuế thu nhập đối với các pháp nhân;

   b) trong trường hợp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

      (i) thuế thu nhập cá nhân; và

      (ii) thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng đối với bất kỳ loại thuế nào có tính chất tương tự hoặc về cơ bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Trong một khoảng thời gian phù hợp, các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Nước.

Điều 3
CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1. Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác, nghĩa của các thuật ngữ như sau:

a)

(i) thuật ngữ "nước Cộng hòa hồi giáo Iran" có nghĩa là lãnh thổ theo chủ quyền và/hoặc quyền tài phán của nước Cộng hòa hồi giáo Iran;

(ii) thuật ngữ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ này có nghĩa là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thủy, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, vùng biển ngoài lãnh hải, bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế;

b) thuật ngữ "đối tượng" có nghĩa là:

(i) cá nhân;

(ii) công ty hoặc bất kỳ tổ chức của nhiều đối tượng nào khác;

c) thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Iran hoặc Việt Nam tùy ngữ cảnh đòi hỏi;

d) thuật ngữ "công ty" để chỉ bất kỳ tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

e) thuật ngữ "văn phòng đăng ký" có nghĩa là trụ sở chính được đăng ký theo các luật có liên quan của mỗi một Nước ký kết;

f) thuật ngữ "doanh nghiệp của một Nước ký kết" và "doanh nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

g) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất kỳ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay do doanh nghiệp của một Nước ký kết

điều hành, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia;

h) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa là:

(i) trong trường hợp của nước Cộng hòa hồi giáo Iran, là Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng;

(ii) trong trường hợp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng; và

i) thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa là:

(i) bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch của một Nước ký kết;

(ii) bất kỳ pháp nhân, công ty hợp danh và hiệp hội có tư cách theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết.

2. Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

Điều 4
ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất kỳ đối tượng nào mà theo các luật của Nước đó là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nơi cư trú, nhà ở, trụ sở đăng ký, hoặc bất kỳ tiêu thức nào khác có tính chất tương tự, và cũng bao gồm cả Nước đó hoặc chính quyền địa phương của Nước đó. Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào phải chịu thuế tại Nước đó chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Nước đó hoặc có tài sản đặt tại đó.

2. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1 của Điều này khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

   a) cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

   b) nếu không thể xác định được Nước mà ở đó cá nhân đó có trung tâm của các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước ký kết mà cá nhân đó thường sống;

   c) nếu cá nhân đó thường xuyên sống ở cả hai Nước ký kết hoặc không thường xuyên sống ở Nước nào, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

   d) nếu cá nhân đó không mang quốc tịch của Nước nào, hoặc nếu theo các khoản trên đây, cá nhân đó không được coi là một đối tượng cư trú của một trong hai Nước ký kết, khi đó các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận song phương.

3. Trường hợp theo các quy định của khoản 1 của Điều này, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, khi đó đối tượng này sẽ được coi là một đối tượng cư trú của Nước nơi có trụ sở đăng ký bao gồm cả trụ sở chính được đăng ký của đối tượng đó.

Điều 5
CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở cố định mà qua đó một doanh nghiệp của một Nước ký kết thực hiện một phần hay toàn bộ hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

   a) trụ sở điều hành;

   b) chi nhánh;

   c) văn phòng;

   d) nhà máy;

   e) xưởng; và

   f) mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm thăm dò, khai thác và/hoặc chiết xuất tài nguyên thiên nhiên nào khác.

3. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

   a) một địa điểm xây dựng, dự án xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hoặc các hoạt động giám sát liên quan tạo thành một "cơ sở thường trú" nhưng chỉ khi địa điểm, dự án hoặc các hoạt động này kéo dài trong một giai đoạn hơn sáu tháng;

   b) việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn do một doanh nghiệp thực hiện thông qua những người làm công hoặc những đối tượng khác được doanh nghiệp giao thực hiện các hoạt động trên, nhưng chỉ khi các hoạt động mang tính chất nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hoặc một dự án có liên quan) tại một Nước trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn gộp lại hơn 6 tháng trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng.

4. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, các hoạt động sau đây của một doanh nghiệp của một Nước ký kết tại Nước ký kết kia sẽ được coi là không thực hiện thông qua cơ sở thường trú:

a) việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hoá của doanh nghiệp;

b) việc duy trì kho hàng hoá của doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

c) việc duy trì kho hàng hoá của doanh nghiệp chỉ với mục đích để cho doanh nghiệp khác gia công;

d) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích mua hàng hoá, hoặc để thu thập thông tin cho doanh nghiệp;

e) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích nghiên cứu khoa học cho doanh nghiệp đó và/hoặc tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ;

f) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ để phục vụ cho bất kỳ sự kết hợp nào của các hoạt động đã được nêu từ điểm a) đến điểm e), với điều kiện toàn bộ hoạt động của địa điểm kinh doanh cố định bắt nguồn từ sự kết hợp này có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ.

5. Mặc dù có các quy định tại khoản 1 và 2 trường hợp một đối tượng - trừ một đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh tại khoản 6 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp và có và thường xuyên thực hiện tại một Nước ký kết thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên doanh nghiệp, doanh nghiệp đó sẽ được coi là có một cơ sở thường trú tại Nước đó đối với bất kỳ hoạt động nào mà đối tượng đó thực hiện cho doanh nghiệp, trừ khi các hoạt động của một đối tượng như vậy chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà nếu những hoạt động đó được thực hiện thông qua một địa điểm kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho địa điểm kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó.

6. Một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ không được coi là có một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia chỉ vì doanh nghiệp đó chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh tại Nước đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng, hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, trong trường hợp các đối tượng này hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó dành toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ thay mặt cho doanh nghiệp đó, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

7. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hoặc dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

Điều 6
THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thu nhập mà một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) có tại Nước ký kết kia sẽ bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có bất động sản đó. Thuật ngữ này trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền được áp dụng theo các quy định tại luật chung về điền sản, quyền hưởng lợi từ bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc không cố định được trả cho việc khai thác hoặc quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác bao gồm cả dầu, khí và mỏ đá; tàu thủy và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Các quy định tại khoản 1 của Điều này cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê, hoặc sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào khác của bất động sản.

4. Các quy định tại các khoản 1 và 3 của Điều này cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các dịch vụ cá nhân độc lập.

Điều 7
LỢI NHUẬN KINH DOANH

1. Lợi nhuận của một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ trường hợp doanh nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia. Nếu doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nhưng chỉ trên phần lợi nhuận phân bổ cho a) cơ sở thường trú đó; hoặc b) việc bán tại Nước kia những hàng hoá cùng loại như những hàng hoá bán qua cơ sở thường trú đó.

2. Thể theo các quy định tại khoản 3 của Điều này, khi một doanh nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú đặt tại Nước ký kết kia, thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở thường trú đó có thể thu được nếu nó là một doanh nghiệp riêng và tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hoặc tương tự trong cùng các điều kiện như nhau hoặc tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Khi xác định lợi nhuận của một cơ sở thường trú, cơ sở thường trú này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung trong phạm vi các chi phí này phát sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh của cơ sở thường trú này, bất kể chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác.

4. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi nhuận chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

5. Không một khoản lợi nhuận nào sẽ được phân bổ cho một cơ sở thường trú nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hoá cho doanh nghiệp.

6. Theo nội dung các khoản trên của Điều này, các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương

pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

7. Khi lợi nhuận bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi các quy định tại Điều này.

Điều 8
VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1. Lợi nhuận do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thuỷ hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ chịu thuế tại Nước ký kết đó.

2. Các quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi nhuận từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một hãng hoạt động quốc tế, nhưng chỉ trên phần lợi nhuận thu được và được phân bổ cho việc tham gia tương ứng với phần được chia trong hoạt động liên doanh.

Điều 9
CÁC DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT

1. Khi:

a) một doanh nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của một Nước ký kết và vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong các mối quan hệ thương mại hoặc quan hệ tài chính giữa hai doanh nghiệp trên có những điều kiện được xác lập hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp có thể thu được nếu không có các điều kiện trên, nhưng nay vì những điều kiện này mà doanh nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được tính vào các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Khi một Nước ký kết tính vào các khoản lợi nhuận của một doanh nghiệp tại Nước đó – và đánh thuế tương ứng – các khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp tại Nước ký kết kia đã bị đánh thuế ở Nước ký kết kia và những khoản lợi nhuận được tính vào như vậy là những khoản lợi nhuận lẽ ra thuộc về doanh nghiệp tại Nước thứ nhất nếu như những điều kiện đặt ra giữa hai doanh nghiệp trên là những điều kiện được xác lập giữa các doanh nghiệp độc lập, khi đó Nước ký kết kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế tại Nước mình đối với các khoản lợi nhuận trên cho phù hợp. Trong khi xác định sự điều chỉnh trên sẽ xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này và khi cần thiết các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau.

Điều 10
TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần.

   Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với lợi nhuận dùng để chia lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" tại Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, cổ phần "jouissance" hoặc các quyền lợi "jouissance", cổ phần sáng lập hoặc các quyền lợi khác, không phải là các khoản cho vay, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi khác trong công ty cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo các luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4. Các quy định tại các khoản 1 và 2 của Điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước ký kết kia, và quyền nắm giữ các cổ phần được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước ký kết kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp các khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc việc nắm giữ mà theo đó các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi nhuận không chia của công ty

trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi nhuận không chia của công ty, cho dù các khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi nhuận không chia bao gồm toàn bộ hoặc một phần các khoản lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh tại Nước ký kết kia.

Điều 11
LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và là đối tượng thực hưởng tiền lãi từ tiền cho vay thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ hình thức nào, có hoặc không được đảm bảo bằng thế chấp, và có hoặc không có quyền được hưởng lợi nhuận của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán Chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu công ty, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu công ty đó. Các khoản phạt trả chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo quy định của Điều này.

4. Mặc dù có các quy định của khoản 2, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và thu được bởi Nước ký kết kia, các Bộ, các tổ chức Chính phủ khác, chính quyền địa phương, Ngân hàng Trung ương và các ngân hàng khác thuộc sở hữu toàn bộ của Nước ký kết kia, sẽ được miễn thuế tại Nước thứ nhất.

5. Các quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay, thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia, hoặc thực hiện tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15 tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nhà nước đó, chính quyền địa phương hoặc đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường

trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

7. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay được trả cho khoản nợ có liên quan, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết, có xem xét thích đáng đến các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 12
TIỀN BẢN QUYỀN

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, các khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh tiền bản quyền và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu người thực hưởng tiền bản quyền là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học, kể cả phim điện ảnh, hoặc các loại phim hoặc băng dùng cho phát thanh hoặc truyền hình, bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hoặc trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học hoặc trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4. Các quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú có tại Nước ký kết kia, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định có tại Nước ký kết kia, và quyền hoặc tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc với cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nhà nước đó, chính quyền địa phương hoặc một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả tiền bản quyền dù có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến quyền hoặc tài sản phát sinh tiền bản quyền có liên hệ thực tế, và khoản tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu, khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh tại Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền được trả cho việc sử dụng, quyền sử dụng hoặc thông tin, vượt quá khoản tiền được thoả thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét thích đáng đến các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 13
PHÍ DỊCH VỤ KỸ THUẬT

1. Phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, các khoản phí dịch vụ kỹ thuật đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng các khoản phí dịch vụ kỹ thuật này thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 8 phần trăm tổng số phí dịch vụ kỹ thuật.

3. Thuật ngữ "phí dịch vụ kỹ thuật" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho bất kỳ đối tượng nào, không phải là những đối tượng được đề cập tại Điều 12, 15 và 16 của Hiệp định này, cho các dịch vụ mang tính chất quản lý hoặc kỹ thuật hoặc tư vấn, bao gồm cả việc cung cấp dịch vụ kỹ thuật hoặc dịch vụ cá nhân khác.

4. Các quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi có khoản phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh thông qua một cơ sở thường trú đặt tại đó, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định đặt tại đó, và quyền hoặc tài sản mà phí dịch vụ được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tuỳ từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. a) Phí dịch vụ kỹ thuật sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả chính là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả tiền phí dịch vụ kỹ thuật dù có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền phí dịch vụ kỹ thuật đã phát sinh và tiền phí dịch vụ kỹ thuật đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu, khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

b) Trường hợp theo quy định của khoản a) phí dịch vụ kỹ thuật không phát sinh tại một trong hai Nước ký kết, và phí dịch vụ kỹ thuật này liên quan đến dịch vụ được thực hiện tại một trong hai Nước ký kết, phí dịch vụ kỹ thuật này sẽ được coi là phát sinh tại Nước ký kết đó.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền phí dịch vụ kỹ thuật được trả, vượt quá khoản tiền được thoả thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét thích đáng đến các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 14
THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được từ chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và có tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Thu nhập từ chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, kể cả thu nhập từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (chuyển nhượng riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

3. Thu nhập do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thuỷ hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế hoặc từ chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của tàu thuỷ hoặc máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

4. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần hoặc các quyền lợi khác trong công ty có tài sản trực tiếp hoặc gián tiếp bao gồm chủ yếu là bất động sản nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

5. Thu nhập từ việc chuyển nhượng các cổ phần tại một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trừ các cổ phần nêu tại khoản 4 có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

6. Thu nhập từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 của Điều này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

Điều 15
DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các dịch vụ ngành nghề hoặc các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ trường hợp:

   a) đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động này. Nếu đối tượng đó có một cơ sở cố định như vậy, thu nhập có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nhưng chỉ trên phần thu nhập được phân bổ cho cơ sở cố định đó.

   b) nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại đến hoặc vượt quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng nào bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phát sinh từ các hoạt động của đối tượng đó được thực hiện tại Nước kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hoặc giảng dạy mang tính chất độc lập như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, kỹ sư, luật sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

Điều 16
DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1. Thể theo quy định tại các Điều 17, 19, 20 và 21 của Hiệp định này, các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi lao động làm công của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu lao động làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động làm công đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Mặc dù có các quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất, nếu:

   a) người nhận tiền công hiện có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng liên tục bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; và

   b) chủ lao động hoặc đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia; và

   c) tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà chủ lao động có tại Nước ký kết kia.

3. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, tiền công do một doanh nghiệp của một Nước ký kết trả cho việc làm công trên tàu thủy hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế chỉ có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

Điều 17
THÙ LAO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của Ban giám đốc của một công ty là một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

Điều 18
NGHỆ SỸ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1. Mặc dù có những quy định tại các Điều 15 và 16, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn, như diễn viên sân khấu, diễn viên điện ảnh, nghệ sĩ phát thanh hoặc truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của người đó thực hiện tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên mà trả cho đối tượng khác, thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có những quy định tại các Điều 7, 15 và 16.

3. Những quy định tại các khoản 1 và 2 của Điều này sẽ không áp dụng đối với các khoản thu nhập do nghệ sỹ và vận động viên thu được từ các hoạt động thực hiện theo khuôn khổ của thỏa thuận văn hóa được ký kết giữa các Nước ký kết.

Điều 19
TIỀN LƯƠNG HƯU

1. Thể theo các quy định tại khoản 2 của Điều 20, tiền lương hưu và các khoản thù lao tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2. Tuy nhiên, tiền lương hưu và các khoản thù lao tương tự khác này cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu khoản tiền do một đối tượng cư trú của Nước kia hoặc một cơ sở thường trú tại Nước đó trả.

3. Mặc dù có các quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này, tiền lương hưu và các khoản tiền thanh toán khác được trả theo một chương trình công cộng là các phần của hệ thống bảo hiểm xã hội của một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

Điều 20
PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1. a) Các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

b) tuy nhiên, khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc

(ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện các công việc trên.

2. Bất kỳ một khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết hoặc một chính quyền địa phương của Nước đó, hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền địa phương sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

3. Các quy định của các Điều 16, 17, 18 và 19 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền thù lao và tiền lương hưu đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

Điều 21
GIÁO VIÊN, SINH VIÊN VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU

1. Những khoản tiền mà một sinh viên hoặc thực tập sinh là đối tượng cư trú của một Nước ký kết và hiện có mặt tại Nước ký kết kia chỉ với mục đích học tập hoặc đào tạo nhận được để trang trải các khoản chi phí sinh hoạt, học tập hoặc đào tạo sẽ không bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, với điều kiện những khoản tiền đó phát sinh từ các nguồn bên ngoài Nước kia.

2. Tương tự như vậy, khoản tiền thù lao do giáo viên hoặc giảng viên là đối tượng cư trú của một Nước ký kết và hiện có mặt tại Nước ký kết kia nhận được để trang trải các khoản chi phí cho việc dạy học hoặc thực hiện việc nghiên cứu khoa học tại một trường đại học, cao đẳng, trường học hoặc cơ sở giáo dục hoặc cơ sở nghiên cứu khoa học được Chính phủ của Nước ký kết thứ nhất chấp nhận trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn không vượt quá hai năm sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia, với điều kiện những khoản tiền đó phát sinh từ các nguồn bên ngoài Nước kia.

   Khoản này sẽ không áp dụng đối với thù lao và thu nhập từ việc nghiên cứu nếu việc nghiên cứu đó được thực hiện với mục đích kinh doanh của các đối tượng và doanh nghiệp.

Điều 22
THU NHẬP KHÁC

1. Các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2. Các quy định tại khoản 1 của Điều này sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 của Điều 6, nếu đối tượng thực hưởng thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia, hoặc thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hoặc tài sản liên quan đến số thu nhập thu được có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định trên. Trong trường hợp đó những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tuỳ từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

3. Mặc dù có những quy định tại các khoản 1 và 2, các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập đến tại các Điều trên của Hiệp định này và phát sinh tại Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

Điều 23
CÁC BIỆN PHÁP XOÁ BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1. Trường hợp một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được thu nhập mà theo các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, Nước thứ nhất sẽ cho phép khấu trừ vào số thuế tính trên thu nhập của đối tượng cư trú đó một khoản tiền bằng số thuế thu nhập đã nộp tại Nước ký kết kia.

   Tuy nhiên, số thuế khấu trừ đó sẽ không vượt quá phần thuế được tính trước khi cho phép khấu trừ, được phân bổ cho khoản thu nhập này.

2. Trong trường hợp thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được, được miễn thuế tại Nước đó theo bất kỳ quy định nào của Hiệp định này, Nước này có thể xét đến phần thu nhập được miễn thuế khi tính số thuế đối với thu nhập còn lại của đối tượng cư trú đó.

Điều 24
KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1. Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ chế độ thuế nào hoặc bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho những đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau. Mặc dù có những quy định tại Điều 1, quy định này cũng sẽ áp dụng đối với những đối tượng không phải là đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

2. Chế độ thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn tại Nước kia so với chế độ thuế áp dụng cho các doanh nghiệp của Nước ký kết kia cùng tiến hành các hoạt động tương tự.

3. Các doanh nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hoặc một phần vốn do một hoặc nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước thứ nhất bất kỳ chế độ thuế hoặc yêu cầu liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất.

4. Trừ trường hợp áp dụng những quy định tại khoản 1 của Điều 9, khoản 7 của Điều 11, hoặc khoản 6 của Điều 12, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản thanh toán khác do một doanh nghiệp của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia khi xác định các khoản lợi nhuận chịu thuế của doanh nghiệp đó sẽ được tính vào chi phí theo cùng các điều kiện như các khoản đó được trả cho đối tượng cư trú của Nước thứ nhất.

5. Những quy định này sẽ không được giải thích là buộc một Nước ký kết phải dành cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào vì lợi ích của thân phận cá nhân hoặc trách nhiệm gia đình mà Nước ký kết đó cho đối tượng cư trú của Nước mình được hưởng.

6. Những quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các loại thuế chịu sự điều chỉnh của Hiệp định này.

Điều 25
THỦ TỤC THOẢ THUẬN SONG PHƯƠNG

1. Trường hợp một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của một hoặc cả hai Nước ký kết làm cho hoặc sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng với những quy định của Hiệp định này, đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết mà đối tượng đó là đối tượng cư trú, mặc dù trong nội luật của hai Nước đã quy định về chế độ xử lý khiếu nại, nếu trường hợp của đối tượng này thuộc phạm vi khoản 1 của Điều 24 của Nước ký kết nơi đối tượng mang quốc tịch. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến chế độ thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Mọi thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào những giới hạn thời gian ghi trong nội luật của hai Nước ký kết.

3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hoặc vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4. Các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết có thể liên hệ trực tiếp với nhau, nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của các khoản trên đây. Các nhà chức trách có thẩm quyền sẽ thông qua việc trao đổi để xây dựng các thủ tục, điều kiện, biện pháp và phương thức song phương phù hợp cho việc thực hiện thủ tục thoả thuận song phương được quy định tại Điều này.

Điều 26
TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau các thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện các quy định của Hiệp định này hoặc của các luật trong nước của hai Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này. Việc trao đổi thông tin không bị giới hạn bởi Điều 1. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo các luật trong nước của Nước này và thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng (bao gồm tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hoặc truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hoặc trong các quyết định của tòa án.

2. Không có trường hợp nào mà những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc nhà chức trách có thẩm quyền của một Nước ký kết có nghĩa vụ:

   a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp và thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

   b) cung cấp các thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hoặc theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

   c) cung cấp các thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mua bán, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hoặc bí mật nghề nghiệp hoặc các quy trình kinh doanh, hoặc các thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách công cộng.

Điều 27
CÁC THÀNH VIÊN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO VÀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN LÃNH SỰ

Không nội dung nào tại Hiệp định này ảnh hưởng đến các ưu đãi về thuế của thành viên cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan đại diện lãnh sự theo các quy tắc chung của pháp luật quốc tế hoặc các quy định tại các hiệp định đặc biệt.

Điều 28
HIỆU LỰC

1. Mỗi Nước ký kết, thông qua đường ngoại giao, sẽ thông báo cho nhau biết bằng văn bản việc hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu của pháp luật nước mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm thông báo sau cùng.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành:

a) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn:

(i) tại nước Cộng hòa hồi giáo Iran, các khoản thu nhập thu được vào ngày hoặc sau ngày 1st Farvardin Solar Hijra, tương ứng với ngày 21 tháng 3 năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực;

(ii) tại Việt Nam, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế được trả hoặc được khấu trừ vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực; và trong các năm dương lịch tiếp theo.

b) đối với các khoản thuế thu nhập khác:

(i) tại nước Cộng hòa hồi giáo Iran, các loại thuế được tính cho bất kỳ giai đoạn tính thuế nào bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1st Farvardin Solar Hijra, tương ứng với ngày 21 tháng 3 năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực;

(ii) tại Việt Nam, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc giá trị tăng thêm phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực; và trong các năm dương lịch tiếp theo.

Điều 29
CHẤM DỨT HIỆU LỰC

Hiệp định này có hiệu lực cho đến khi một Nước ký kết chấm dứt hiệu lực. Từng Nước ký kết thông qua đường ngoại giao có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định bằng cách gửi thông báo chấm dứt hiệu lực ít nhất 6 tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào sau khoảng thời gian 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp này, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

a) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn:

(i) tại nước Cộng hòa hồi giáo Iran, các khoản thu nhập thu được vào ngày hoặc sau ngày 1st Farvardin Solar Hijra, tương ứng với ngày 21 tháng 3 năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo chấm dứt hiệu lực;

(ii) tại Việt Nam, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế được trả hoặc được khấu trừ vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo chấm dứt hiệu lực; và trong các năm dương lịch tiếp theo.

b) đối với các loại thuế thu nhập khác:

(i) tại nước Cộng hòa hồi giáo Iran, các loại thuế được tính cho bất kỳ giai đoạn tính thuế nào bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1st Farvardin Solar Hijra, tương ứng với ngày 21 tháng 3 năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo chấm dứt hiệu lực;

(ii) tại Việt Nam, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc giá trị tăng thêm phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo chấm dứt hiệu lực; và trong các năm dương lịch tiếp theo.

Làm tại Tê-hê-ran ngày 14 tháng 10 năm 2014 tương ứng với ngày 1393/07/22 Solar Hijra thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Ba Tư và tiếng Anh, tất cả các bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định.

Để làm bằng những người có tên dưới đây, được sự uỷ quyền hợp thức của Chính phủ nước mình, đã ký vào Hiệp định này.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THỨ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA HỒI GIÁO IRAN THỨ TRƯỞNG BỘ KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH VÀ CHỦ TỊCH CƠ QUAN THUẾ QUỐC GIA IRAN**
ĐỖ HOÀNG ANH TUẤN	**DR. ALI ASKARI**